KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG CANH TÁC BƯỞI NĂM ROI TRỒNG TRÊN ĐẤT LIẾP Ở HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

Nguyễn Thị Thúy Kiều[1], Ngô Ngọc Hưng[1]

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá hiện trạng canh tác và xác định ảnh hưởng của biện pháp canh tác đến năng suất cây bưởi Năm Roi (*Citrus grandis* Var. "Nam Roi") trồng trên đất liếp tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Khảo sát được thực hiện qua điều tra trên 30 hộ có vườn trồng bưởi năm roi ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Kết quả cho thấy Bưởi Năm Roi được trồng trên đất liếp với tuổi liếp trung bình 15 - 18 năm với chiều cao của lớp đất mặt so với mực nước mương trong vườn là 0,5m. Mật độ trồng cây bưởi trên vườn (370 cây/ha) được xác định dày hơn so với khuyến cáo. Phân vô cơ N, P và K được sử dụng ở lượng 652 g N, 375 g P_2O_5 và 179 g K_2O/ cây/ năm. Phân vôi sử dụng ít được nhà vườn chú trọng bón cho cây. Nhóm nhà vườn có sử dụng phân hữu cơ bón cho đất trồng bưởi (63,3%) đạt năng suất trái cao hơn so với nhóm nhà vườn không bón hữu cơ (36,7%).

Từ khóa: Bưởi Năm Roi, đất phù sa lên liếp, mật độ trồng, phân hữu cơ

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bưởi Năm Roi là 1 trong 10 nông sản chủ lực của tỉnh Hậu Giang, bưởi Năm Roi Phú Hữu ở huyện Châu Thành đã hình thành thương hiệu từ rất lâu đời (Mai Văn Nam và Nguyễn Thị Phương Dung, 2010). Tuy nhiên, diện tích trồng và năng suất bưởi trên địa bàn tỉnh đang sụt giảm nhanh chóng, diện tích từ 3.309 ha vào năm 2012 chỉ còn 2.283 ha vào năm 2016, giảm 1.027 ha (Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang, 2017). Do thuộc vùng đất thấp, các nhà vườn ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) phải đào mương lên liếp để trồng cây ăn trái. Vì liếp luôn ở vị trí cao và trong điều kiện khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, cùng với việc nằm trong đê bao khép kín, các dưỡng chất khoáng và nguyên tố như Ca, Mg, K theo nước dễ trực di xuống sâu nên đất liếp vườn cây ăn trái ở ĐBSCL đều bị kém dưỡng chất và hóa chua. Do vậy, đất vườn trồng cây ăn trái trở thành nhóm đất có vấn đề, có trở ngại trong canh tác (Nguyễn Bảo Vệ và Lê Thanh Phong, 2011). Bên cạnh đó, tập quán sử dụng phân bón của nông dân thường là phân đạm vô cơ cao, trong khi phân hữu cơ thì rất ít, dẫn đến sự mất dần chất hữu cơ (CHC) trong đất và giảm khả năng cung cấp các nguyên tố dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng (Võ Văn Bình, 2015). Nghiên cứu của Pham Van Quang và cộng tác viên (2012) trên đất liếp vườn cây ăn trái ở ĐBSCL cho thấy hàm lượng CHC trong đất chỉ khoảng từ 1,6 - 2,8%, vì thế đất nghèo dinh dưỡng, bị nén dẽ, độ bền cấu trúc đất kém, hoạt động của vi sinh vật trong đất rất thấp, dẫn đến tiến trình chuyển hóa dinh dưỡng trong đất thấp. Từ đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng canh tác và xác định các yếu tố kỹ thuật canh tác liên quan đến năng suất cây bưởi Năm Roi ở Châu Thành, Hậu Giang.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên các vườn bưởi Năm Roi trồng trên đất lên liếp ở ba xã Phú Hữu, Đông Phước và Đông Thạnh thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Khảo sát bằng phỏng vấn trực tiếp 30 hộ nông dân của địa phương theo các mẫu phiếu điều tra.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nội dung chính của phiếu điều tra gồm có: Diện tích, tuổi vườn, thiết kế mương líp; Sử dụng phân bón: liều lượng, số lần bón, thời điểm bón; Biện pháp cải thiện độ phì đất: bón hữu cơ, phân vô cơ, bón vôi; Qui cách và mật độ trồng, năng suất; Sử dụng độ lệch chuẩn (Sd) trong so sánh và đánh giá ảnh hưởng của sử dụng phân hữu cơ đối với năng suất trái.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019 tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Diện tích, tuổi liếp và thiết kế của vườn

Hiện trạng canh tác được ghi nhận từ 30 vườn trồng bưởi Năm Roi trong tình trạng tuổi cây từ 5 - 10 năm tuổi. Diện tích giữa các vườn có sự chênh lệch lớn, vườn lớn nhất là 2,5 ha, nhỏ nhất là 0,2 ha và trong đó, diện tích vườn từ 0,4 - 0,45 ha có tỷ lệ cao nhất (26,67%) (Bảng 1). Hiện nay, quy mô vườn trồng nhỏ và vị trí của vườn ở các xã không còn tập trung thành khu vực chuyên canh trồng bưởi Năm Roi.

[1] Khoa Nông nghiệp - Đại học Cần Thơ

Bảng 1. Hiện trạng canh tác của vùng trồng bưởi Năm Roi tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (n = 30)

Nội dung	Mùa vụ	Cao nhất	Thấp nhất	Mức phổ biến	Tỷ lệ (%)	TB ± Sd
Diện tích vườn (ha)		2,5	0,2	0,4 - 0,45	26,67	0,56 ± 0,51
Tuổi liếp (năm)		55	4	15 - 18	20	19,87 ± 13,5
Chiều cao liếp (m)	Mùa nắng	0,7	0,35	0,6	33,3	0,51 ± 0,1
	Mùa mưa	0,6	0,3	0,5	40	0,43 ± 0,09
Chiều rộng liếp (m)		7	4	6	36,7	5,48 ± 0,77
Chiều rộng mương (m)		4	2	3	36,7	2,8 ± 0,6
Tỷ lệ mương và liếp		0,89	0,33	0,5	33,3	0,52 ± 0,14

Tuổi liếp cao nhất được điều tra là 55 năm, trung bình là 19,87 ± 13,5 năm, tuổi liếp thấp nhất là 4 năm, chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm vườn có tuổi liếp từ 15 - 18 năm (20%) (Bảng 1). Nhiều nghiên cứu cho rằng đất liếp có tuổi lên liếp càng lâu đời, sự suy thoái biểu hiện qua pH đất thấp, các cation kiềm bị rửa trôi, hàm lượng chất hữu cơ thấp,… điều này đưa đến sự giảm sinh trưởng, phát triển và năng suất trái của cây trồng (Lê Văn Hòa và *ctv.,* 2016).

Hình ảnh tiêu biểu vườn trồng bưởi Năm Roi trên đất liếp ở huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang được trình bày ở hình 1.

Hình 1. Vườn bưởi trên đất liếp tại huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang

Tất cả vườn trồng bưởi đều được lên liếp với mục đích nâng độ cao mặt liếp so với mực nước trong kênh tưới, dẫn nước và trữ nước tưới trong mùa khô; hạn chế ngập và thoát nước vào mùa mưa. Đối với cây có múi, bộ rễ rất mẫm cảm với việc thiếu oxy trong độ sâu canh tác, mực nước trong mương vườn cần phải được giữ ổn định, cách mặt liếp khoảng 0,6 m (Nguyễn Bảo Vệ và *ctv.,* 2016).

Chiều cao liếp (so với mực nước mương trong vườn) vào mùa khô là 0,51 ± 0,1 m, phổ biến ở mức 0,6 m (chiếm tỷ lệ 33,3%); vào mùa mưa là 0,43 ± 0,09 m, phổ biến ở mức 0,5 m (chiếm tỷ lệ 40%).

3.2. Sử dụng phân bón

3.2.1. Phân hữu cơ

Có 63,3% chủ vườn sử dụng phân hữu cơ dạng tự ủ hoặc mua với số lượng trung bình 4,95 ± 3,41 kg/cây/năm (1,68 ± 0,68 tấn/ha/năm) (Bảng 2). Có 56,7% chủ vườn có thực hiện bón vôi cho vườn bưởi với lượng bón từ 0,4 - 2 kg/cây/năm, trung bình là 1,09 ± 0,57 kg/cây/năm (0,37 ± 0,25 tấn/ha). So với khuyến cáo lượng bón phân hữu cơ cho đất cây có múi ở ĐBSCL với lượng 10 - 20 kg phân hữu cơ/cây/năm (Nguyễn Bảo Vệ và Lê Thanh Phong, 2011), lượng bón phân hữu cơ cho các vườn ở địa phương là còn ít.

Bảng 2. Liều lượng sử dụng phân hữu cơ và năng suất trái bưởi Năm Roi tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (n = 30)

Bón phân	Phân hữu cơ (%)	Năng suất (tấn/ha)
Không sử dụng PHC	36,7	7,6 ± 0,53
Có sử dụng PHC	63,3	9,8 ± 1,02
Lượng bón (kg/cây)	4,95 ± 3,41*	
Lượng bón (tấn/ha)	1,68 ± 0,68	

*Ghi chú: TB: Trung bình; * = (TB ± Sd).*

3.2.2. Phân vô cơ

Tất cả chủ vườn đều có bón phân hóa học, thời gian bón định kỳ từ 2 - 3 tháng/lần và thường bón sau khi làm cỏ. Lượng bón được tính ra nguyên chất theo công thức 652 g N- 375 g P_2O_5 - 179 g K_2O/ cây/năm (Bảng 3). Lượng phân N, P và K được sử dụng của địa phương được xem tương đương với lượng bón cho bưởi năm roi ở Bình Minh, Vĩnh Long (Lê Thanh Phong và Phạm Thành Lợi, 2014). Mặc dù bón vôi được xem như một pháp kỹ thuật có hiệu quả nhanh làm tăng năng suất cây trồng, đặc biệt là những loại đất có độ chua cao (Nguyễn Thế Đặng và Nguyễn Thế Hùng, 1999), tuy nhiên kết quả điều tra cho thấy nhà vườn ở địa phương ít chú trọng và chỉ có vài nơi có bón vôi cho cây bưởi.

Bảng 3. Liều lượng phân bón hóa học bón cho cây bưởi Năm Roi tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (n = 30)

Liều lượng nguyên chất bón cho cây (g/cây/năm)	Cao nhất	Thấp nhất	TB ± Sd
N	1.460	224	652 ± 234
P_2O_5	450	291	375 ± 42,9
K_2O	302	80	179 ± 84,3

3.3. Mật độ trồng

Bảng 4 cho thấy khoảng cách cây cách cây trung bình là 4,4±0,83 m; hàng cách hàng trung bình là 4,32 ± 0,7 m; khoảng cách giữa 2 cây gần nhất là 3,5 m, xa nhất là 6 m. Mật độ trung bình của cây bưởi trên vườn là 370 ± 97 cây/ha. So với mật độ trồng thông thường của cây bưởi trên đất liếp ở ĐBSCL là 278 - 333 cây/ha (Nguyễn Bảo Vệ và Lê Thanh Phong, 2011), mật độ trồng này còn khá dầy. Do đó, có thể đây yếu tố hạn chế năng suất của cây bưởi ở vùng nghiên cứu.

Bảng 4. Khoảng cách và mật độ trồng bưởi Năm Roi tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (n = 30)

Nội dung	Cao nhất	Thấp nhất	TB ± Sd
Hàng cách hàng (m)	6	3,5	4,32 ± 0,7
Cây cách cây (m)	6	3,5	4,4 ± 0,83
Mật độ (cây/ha)	565	196	370 ± 97

3.4. Sâu, bệnh gây hại

Sự xuất hiện của các đối tượng sâu, bệnh gây hại trên vườn trồng bưởi được mô tả ở bảng 5. Riêng với sâu đục trái, đây là đối tượng gây hại quan trọng đã được ghi nhận trên tất cả các vườn trong những năm gần đây. Chủ vườn phải tốn nhiều công lao động và chi phí để quản lý sâu đục trái, biện pháp đang sử dụng phổ biến hiện nay là bao trái bằng túi lưới.

Bảng 5. Thống kê điều tra tần số xuất hiện và mức độ gây hại của các loại sâu, bệnh trong vườn bưởi Năm Roi tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (n=30)

Loại sâu, bệnh hại	Tần số xuất hiện (% hộ)	Mức độ gây hại (%)
Sâu đục trái	100	25
Sâu vẻ bùa	66,67	10
Nhện đỏ	46,67	10
Rệp sáp	50	15
Rầy mềm	83,33	15
Bọ xít	40	5
Bệnh vàng lá thối rễ	56,67	10

3.5. Năng suất

Năng suất bưởi trung bình thu được là 25,27 ± 9,74 kg/cây/năm (9 ± 3,84 tấn/ha) (Bảng 6). Năng suất tính trên cây dao động từ 14 - 44 kg/cây/năm với số lần thu hoạch từ 4 - 9 lần/năm. Hiện nay, năng suất trái của các vườn bưởi Năm Roi tại Châu Thành được đánh giá thấp hơn so với tiềm năng năng suất của nó.

Bảng 6. Năng suất số và lần thu hoạch của vườn bưởi Năm Roi tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (n = 30)

Nội dung	Cao nhất	Thấp nhất	TB ± Sd	Trung vị
Số lần thu hoạch (lần/năm)	9	4	5,87 ± 1,17	6
Năng suất (kg/cây/năm)	44	14	25,27 ± 9,74	23,5
Năng suất (tấn/ha)	21,57	4,67	9 ± 3,84	7,72

Ảnh hưởng của sử dụng phân hữu cơ được đánh giá qua hình 2. Năng suất trái của nhóm vườn có bón phân hữu cơ (9,8 t/ha) đạt năng suất cao hơn có ý nghĩa so với nhóm vườn không bón phân hữu cơ (7,6 t/ha).

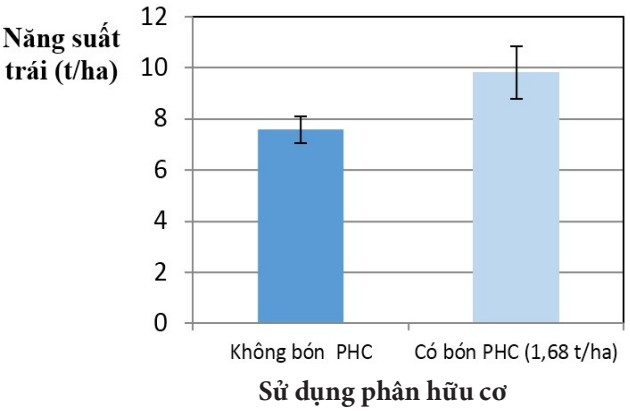

Hình 2. Ảnh hưởng của sử dụng phân hữu cơ (PHC) đến năng suất trái của bưởi năm roi tại Châu Thành, Hậu Giang

Ghi chú: Thanh đứng trong đồ thị biểu diễn Sd.

IV. KẾT LUẬN

Bưởi Năm Roi được trồng ở Hậu Giang với tuổi liếp trung bình 15 - 18 năm, chiều cao của lớp đất mặt so với mực nước mương trong vườn là 0,5 m. Mật độ trồng cây bưởi trên vườn (370 cây/ha) được xác định dày hơn so với khuyến cáo.

Phân vô cơ N, P và K được sử dụng ở lượng 652 g N, 375 g P_2O_5 và 179 g K_2O/cây/năm. Phân vôi sử dụng ít được nhà vườn chú trọng bón cho cây.

Nhóm nhà vườn có sử dụng phân hữu cơ bón cho đất trồng bưởi (63,3%) đạt năng suất trái cao hơn so với nhóm nhà vườn không bón hữu cơ (36,7%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Võ Văn Bình, 2015. *Ảnh hưởng của phân hữu cơ trong cải thiện độ phì nhiêu đất, năng suất trái chôm chôm và sự phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính*. Luận án tiến sĩ ngành Khoa học đất. Đại học Cần Thơ.

Cục Thống kê tỉnh Hậu Giang, 2017. *Niên giám thống kê năm 2017*. Nhà xuất bản thống kê. Hà Nội.

Nguyễn Thế Đặng và Nguyễn Thế Hùng, 1999. *Giáo trình đất*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.

Lê Văn Hòa, Võ Thị Gương và Võ Văn Bình, 2016. *Hiệu quả của phân hữu cơ trong sản xuất cây ăn trái ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Trong: Lê Văn Hòa và Nguyễn Bảo Vệ (chủ biên). *Cơ sở khoa học cải thiện năng suất và chất lượng cây ăn trái ở Đồng bằng sông Cửu Long*. NXB Đại học Cần Thơ. Trang 22-48.

Mai Văn Nam và Nguyễn Thị Phương Dung, 2010. Các giải pháp phát triển ngành hàng bưởi Năm Roi Phú Hữu Hậu Giang. *Tạp chí khoa học - Trường Đại học Cần Thơ*, (14): 22-33. Cần Thơ.

Lê Thanh Phong và Phạm Thành Lợi, 2014. Đánh giá tác động môi trường trong canh tác bưởi và xoài ở ĐBSCL. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ Phần B: Nông nghiệp, Thủy sản và Công nghệ Sinh học:* 31 (2014): 39-50

Nguyễn Bảo Vệ và Lê Thanh Phong, 2011. *Giáo trình cây đa niên*. Khoa Nông Nghiệp và Sinh học Ứng dụng. Trường Đại học Cần Thơ.

Nguyễn Bảo Vệ, Nguyễn Bá Phú, Trần Văn Hâu, Lê Văn Hòa và Lê Thanh Phong, 2016. *Cơ sở khoa học cải thiện năng suất và phẩm chất trái cây có múi (Citrus spp.)*. Trong: Lê Văn Hòa và Nguyễn Bảo Vệ (chủ biên). *Cơ sở cải thiện năng suất và chất lượng cây ăn trái ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. Cần Thơ. Trang 113-166.

Pham Van Quang, Per-Erik Jansson and Vo Thi Guong, 2012. Soil physical properties during different development stage of fruit orchards. *Journal of Soil science and Environmental management*. Vol.3: 308-319.

Investigation of cultivation status of Nam Roi pummelo grown in raised beds of alluvial soil in Hau Giang province

Nguyen Thi Thuy Kieu, Ngo Ngoc Hung

Abstract

The objective of this study was to determine effect of the cultivation practices on yield of Nam Roi pummelo (*Citrus grandis* Var. "Nam Roi") in Chau Thanh district, Hau Giang province. The survey was carried out on 30 farmers growing pommelo by printed questionnaire. The result showed that the pummelo were grown in raised bed of 15 - 18 years age with the height of from the soil surface to water levels of 0.5 m. The plant density of 370 trees/ha was identified to be denser than that of recommendation. The inorganic fertilizers were applied at amounts of 652 g N, 375 g P_2O_5 and 179 g K_2O/ tree/year. The lime was not interested by local farmers. The fruit yield received from organic fertilizer application by farmers' group (63.3%) was higher than that without organic fertilizer application (36.7%).

Keywords: Pummelo "Nam Roi", raised bed of alluvial soil, plant density, organic fertilizer

Ngày nhận bài: 22/10/2019
Ngày phản biện: 25/10/2019
Người phản biện: TS. Võ Hữu Thoại
Ngày duyệt đăng: 10/12/2019

MÔ HÌNH THÂM CANH TỔNG HỢP ÁP DỤNG CƠ GIỚI HÓA SẢN XUẤT LẠC TẠI TÂY NINH

Ngô Minh Dũng[1], Mai Bá Nghĩa[1], Ngô Hồng Nguyên[1], Tôn Thị Thúy[1], Vũ Hoàng Lãnh[1], Trần Huy Dũng[1], Vũ Thị Hảo[2], Hoàng Tuyển Phương[2], Phạm Văn Dân[2]

TÓM TẮT

Trong năm 2017 - 2019, tại một số địa bàn của tỉnh Tây Ninh đã thực hiện dự án: "Xây dựng mô hình thâm canh tổng hợp, áp dụng cơ giới hóa sản xuất lạc tại các vùng trồng chính" trên quy mô 45 ha với các giống lạc có năng suất cao, chất lượng phù hợp với thị trường tiêu thụ. Kết quả thực hiện dự án cho thấy năng suất lạc bình quân đạt trên 4,2 tấn/ha; hiệu quả kinh tế của các mô hình trồng lạc theo hướng thâm canh - áp dụng cơ giới hóa cao hơn so với sản xuất đại trà (sản xuất truyền thống - không áp dụng cơ giới hóa) từ 12,6 - 20,6 triệu đồng/ha/vụ. Việc sản xuất lạc theo hướng thâm canh tổng hợp - áp dụng cơ giới hóa đã đảm bảo gia tăng năng suất, giảm chi phí, gia tăng thu nhập cho người nông dân, đồng thời đây là một trong những cơ sở cho việc mở rộng áp dụng cơ giới hóa trên cây lạc nói riêng và cả ngành nông nghiệp nói chung.

Từ khóa: Cơ giới hóa, lạc, thâm canh tổng hợp

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Áp dụng cơ giới hóa trong thâm canh cây lạc ở các tỉnh phía Nam chưa được ứng dụng rộng rãi đặc biệt là khâu gieo hạt và thu hoạch đang là trở ngại lớn đối với các vùng trồng lạc truyền thống trong đó có tỉnh Tây Ninh, nơi có quy mô diện tích cây lạc lớn nhất vùng Đông Nam Bộ (6.200 ha). Năng suất lạc trung bình năm 2015 đạt 3,55 tấn/ha (Cục Thống kê Tây Ninh, 2016), đến năm 2016 đạt 3,65 tấn/ha (Cục Thống kê Tây Ninh, 2017). Ngoài cho giá trị kinh tế cao, cây lạc còn có khả năng cố định đạm, cải thiện độ phì của đất (Dương Hồng Dật, 2011). Cây lạc đã được Nhà nước quan tâm bằng nhiều chủ trương ưu tiên phát triển (Nguyễn Văn Chương và *ctv.*, 2015).

Theo Quyết định số 124/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 và thực trạng như trên thì việc ứng dụng cơ giới hóa trong các khâu canh tác lạc là giải pháp góp phần phát triển cây lạc bền vững.

Từ nguồn kinh phí Trung ương thông qua Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Khuyến nông, Trung tâm Nghiên cứu Chuyển giao Tiến bộ Kỹ thuật Nông nghiệp thuộc Viện KHKT Nông nghiệp miền Nam đã triển khai thực hiện nghiên cứu "Xây dựng mô hình thâm canh tổng hợp, áp dụng cơ giới hóa sản xuất lạc tại các vùng trồng chính" tại tỉnh Tây Ninh từ 2017 đến 2019.

II. VẬT LIỆU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Các giống lạc trong các mô hình và đại trà: Lỳ, VD2, GV3.

2.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Nội dung nghiên cứu

Xây dựng theo mô hình khuyến nông trồng cây lạc tại tỉnh Tây Ninh theo hướng thâm canh tổng hợp, áp dụng cơ giới hóa.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại một số địa bàn của tỉnh Tây Ninh bằng cách xây dựng các mô hình thâm canh tổng hợp, áp dụng cơ giới hóa sản xuất lạc ở khâu gieo hạt, thu hoạch bằng các máy cơ giới được chế tạo trong nước và đánh giá tác động của mô hình (năng suất, hiệu quả kinh tế, ...) tại mỗi địa điểm.

Mô hình được trồng theo quy trình canh tác của Dự án. Các mô hình tiến hành trong vụ Thu Đông các năm 2017 - 2019.

- Chọn điểm: Chọn các địa bàn triển khai phù hợp với chủ trương xây dựng mô hình thâm canh tổng hợp, áp dụng cơ giới hóa nhằm tăng năng suất và hiệu quả sản xuất: Ưu tiên chọn những vùng đất chuyên thâm canh lạc, hoặc thuận lợi cho sản xuất lạc; đường xá thuận lợi cho việc triển khai cơ giới hóa, cho việc đi lại và việc đánh giá tổ chức tham quan mở rộng mô hình.

[1] Trung tâm Nghiên cứu Chuyển giao TBKT Nông nghiệp - Viện KHKTNN miền Nam
[2] Trung tâm Chuyển giao công nghệ và Khuyến nông